FireAnt

CTCP PVI (HNX: PVI)

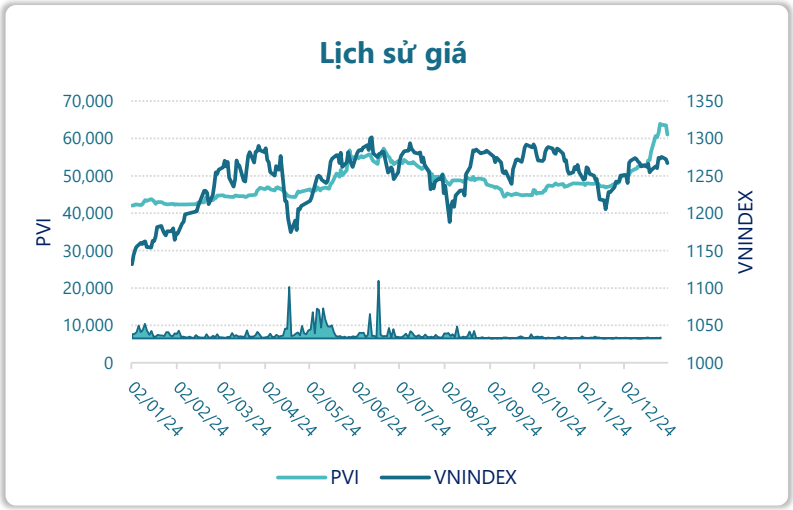

Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**61,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	63,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	42,059
SL cổ phiếu LH	234,241,867
KLGD BQ 20 phiên (CP)	181,785
% sở hữu nước ngoài	57.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	14,289
P/E	16.8
EPS	3,631

DT thuần

Q4/24

2,061

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 130| 6.7%

YoY: ▲ 373| 22.1%

LN sau thuế

Q4/24

66.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼95.4| -58.9%

YoY: ▼64.4| -49.2%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

14.9%

+/- YoY: ▼ 4.2%

DT thuần

2024

7,738

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1,029| 15.3%

LN sau thuế

2024

880

tỷ VNĐ

YoY: ▼127| -12.6%

ROE

2024

10.4%

+/- YoY: ▼ 1.6%

Kết quả kinh doanh

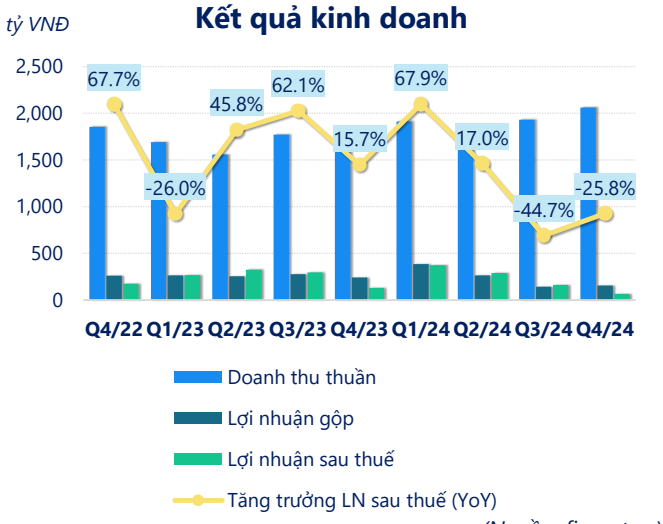

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

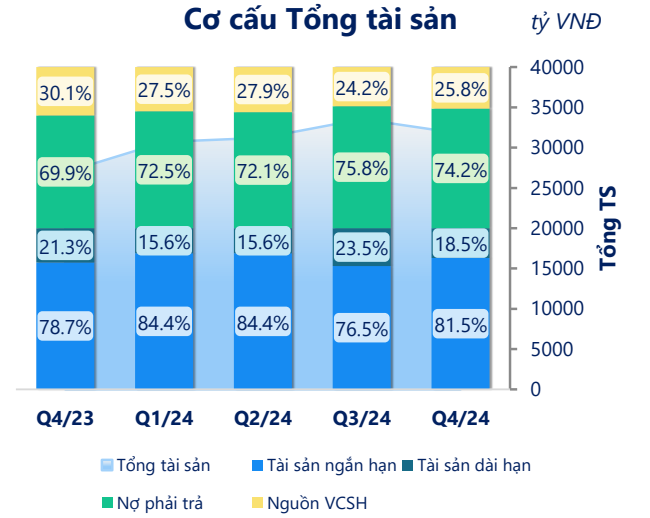

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

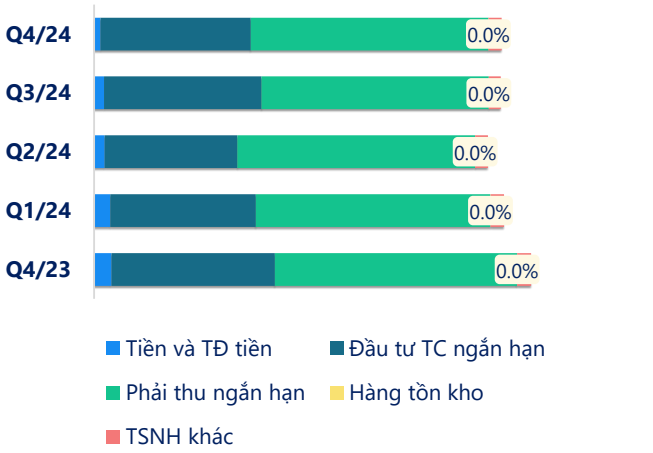

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

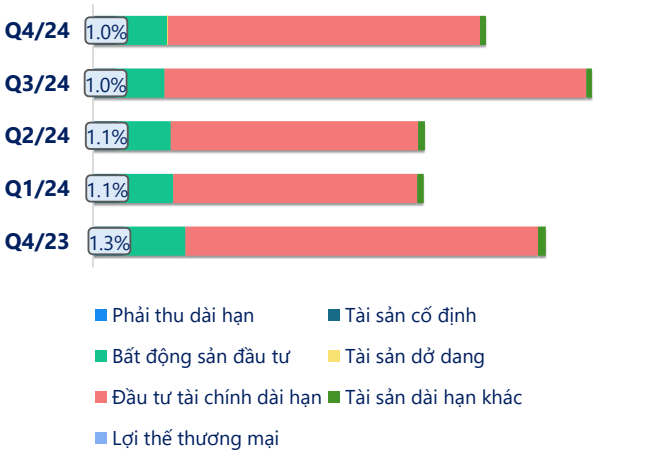

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

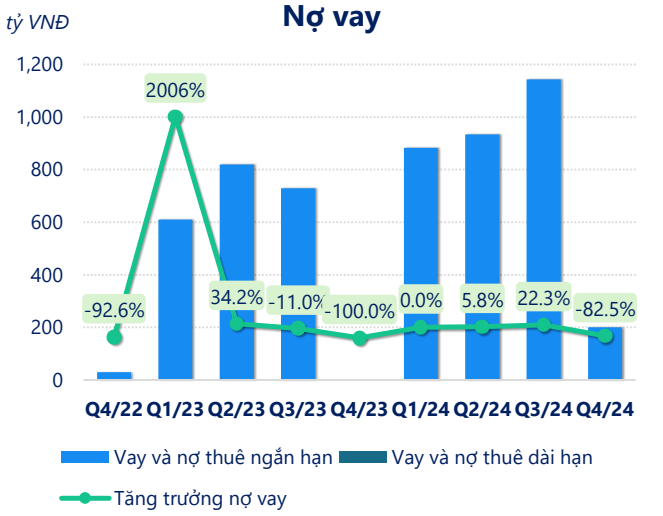

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

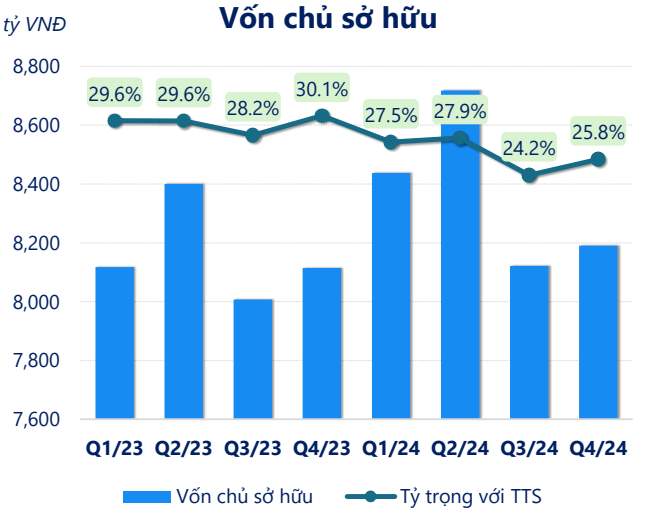

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

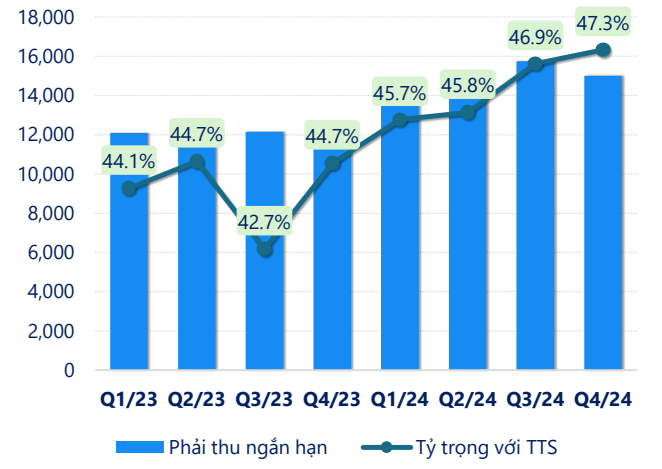

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

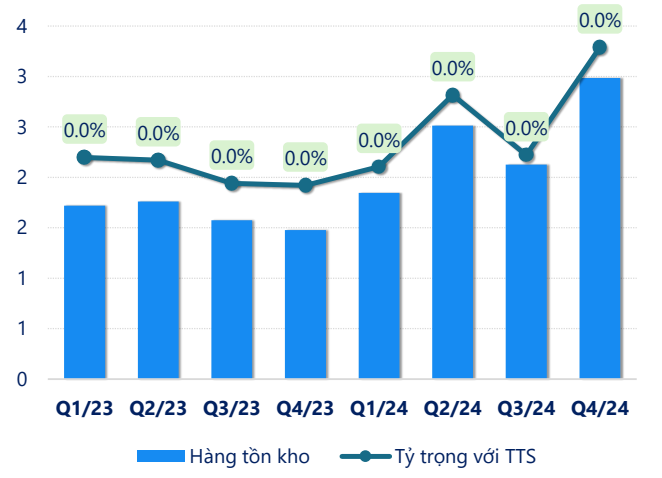

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

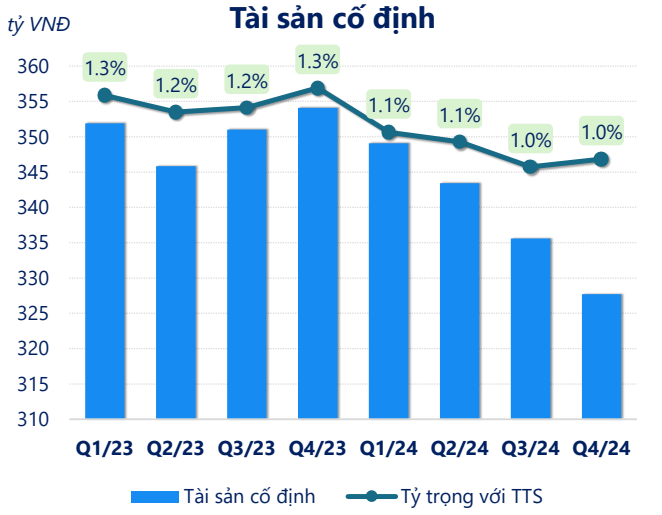

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

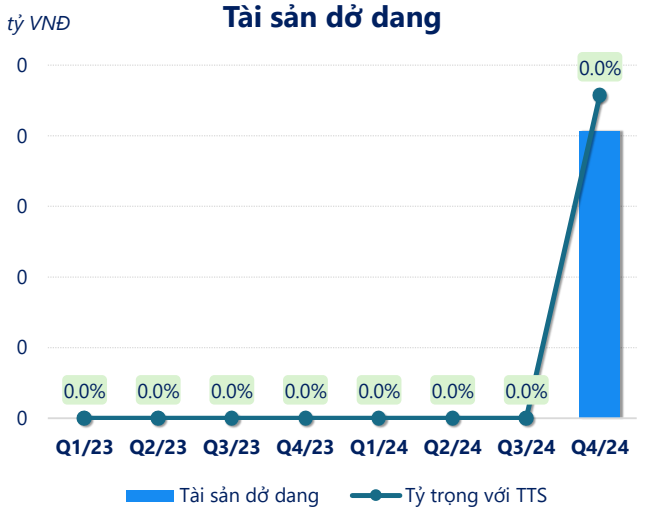

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

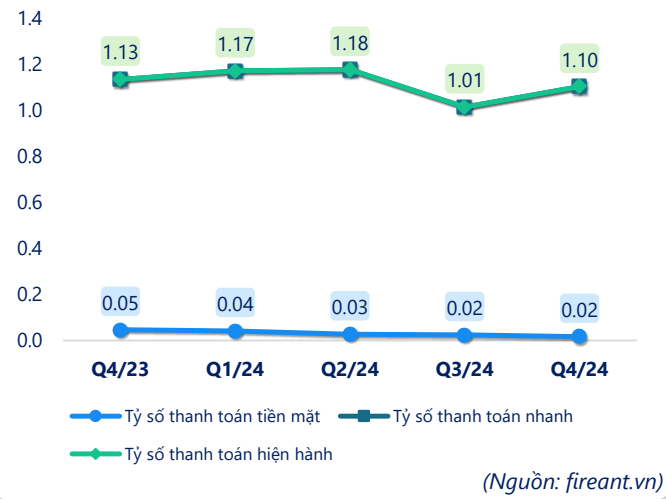

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

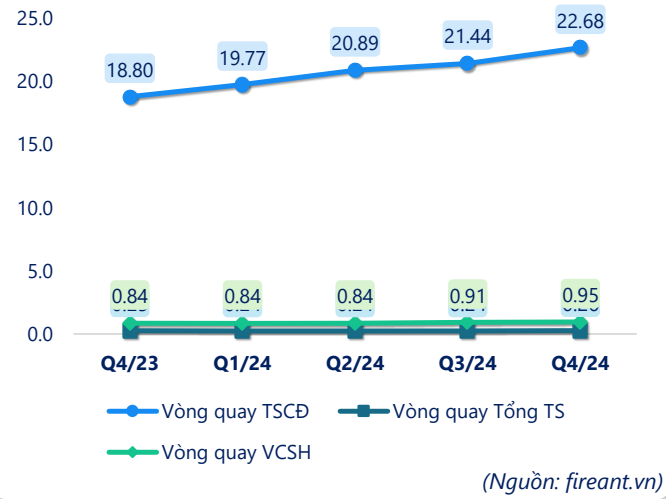

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**26,946**	**30,695**	**31,236**	**33,539**	**31,753**
Tài sản ngắn hạn	**21,207**	**25,919**	**26,362**	**25,673**	**25,886**
Tiền và tương đương tiền	877	928	614	623	389
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7,613	10,282	10,648	8,571	9,671
Phải thu ngắn hạn	12,042	14,020	14,317	15,744	15,006
Hàng tồn kho	1.48	1.85	2.51	2.13	2.98
Tài sản ngắn hạn khác	674	688	781	733	818
Tài sản dài hạn	**5,738**	**4,775**	**4,874**	**7,866**	**5,867**
Phải thu dài hạn	31.5	31.5	31.5	32.0	35.6
Tài sản cố định	354	349	343	336	328
Bất động sản đầu tư	785	777	769	761	754
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0.20
Đầu tư tài chính dài hạn	4,468	3,520	3,632	6,649	4,659
Tài sản dài hạn khác	100	97.6	98.2	88.1	90.8
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**18,831**	**22,257**	**22,518**	**25,418**	**23,562**
Nợ ngắn hạn	**18,686**	**22,121**	**22,392**	**25,301**	**23,455**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	883	934	1,143	200
Phải trả người bán ngắn hạn	3,185	3,826	4,199	4,508	4,060
Nợ dài hạn	146	136	126	117	108
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**8,115**	**8,437**	**8,718**	**8,121**	**8,191**
Vốn chủ sở hữu	**8,115**	**8,437**	**8,718**	**8,121**	**8,191**
Vốn điều lệ	2,342	2,342	2,342	2,342	2,342
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)